TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HSST
Ngày 16 tháng 5 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lường Thị Khuyển
2. Ông Lò Văn Thôn

- Thư ký phiên toà:
Ông Đèo Văn Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên toà:
Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 57/2018/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn N** - Sinh ngày 10/6/1969; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Tổ dân phố 8, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Giáo viên; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn Ă (đã chết), con bà Lò Thị P; Bố nuôi ông Lò Văn D (đã chết), mẹ nuôi bà Lò Thị E; Bị cáo có vợ là Lường Thị S (hiện nay đã bỏ nhà đi không biết đang sinh sống ở đâu) và có 02 con, con lớn nhất 16 tuổi, nhỏ nhất 14 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/12/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi liên quan: Lò Thị E, sinh năm 1925
Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La . Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13^{h}00’ ngày 08/12/2017 Tổ công tác Công an huyện Sông Mã phối hợp với Ban công an xã Huổi Một làm nhiệm vụ tại khu vực bản Pá Công , xã

Huổi Một, huyện Sông Mã phát hiện bắt quả tang Lò Văn N, trú tại Tổ dân phố 8, thị trấn S, huyện S đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Thu giữ tại túi áo khoác bên phải của N 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa 201 viên nén hình tròn (gồm 199 viên màu hồng và 02 viên màu xanh), trên mặt mỗi viên đều có chữ WY (theo N khai nhận là viên Hồng phiến). Ngoài ra còn tạm giữ của N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX màu đỏ đen có BKS 26C1-134.71, 01 điện thoại di động màu đen bạc nhãn hiệu Sumsung.

Ngày 09/12/2017 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành mở niêm phong, cân tịnh, trích mẫu vật chứng để giám định. Kết quả: 201 viên nén thu giữ của N có tổng trọng lượng 18,52 gam, đã sử dụng 05 viên nén màu hồng có tổng trọng lượng 0,47 gam làm mẫu giám định ký hiệu N1, 02 viên nén màu xanh có tổng trọng lượng 0,17 gam làm mẫu giám định ký hiệu N2, 194 viên nén màu hồng còn lại có tổng trọng lượng 17,88 gam ký hiệu N3.

Tại kết luận giám định số 79/KLMT ngày 14/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận : " Mẫu gửi giám định ký hiệu N1, N2 là chất ma túy, loại chất Methamphetamine, trọng lượng của mẫu gửi giám định là N1= 0,47 gam N2 = 2,17 gam. Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 18,52 gam, loại chất Methamphetamine ".

Quá trình điều tra Lò Văn N khai nhận: Khoảng 12^h ngày 08/12/2017 N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda có BKS 26C1-134.71từ nhà ở Tổ dân phố 8 thị trấn S, huyện S đi vào trong xã Huổi Một, huyện Sông Mã để tìm mua viên Hồng phiến về sử dụng, khi đi N đem theo số tiền 4.500.000đ, khi đến khu vực bản Hợp Tiến, xã Huổi Một, N gặp một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết đang đi bộ trên đường, N dừng xe hỏi mua Hồng phiến, người này đồng ý bán nên N lấy 4.500.000đ đưa cho, sau khi nhận tiền người đàn ông đi vào trong bản khoảng 10 phút sau quay lại đưa cho N 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa viên Hồng phiến nhưng N không mở ra kiểm tra, N cất túi Hồng phiến vào trong túi áo khoác đang mặc rồi điều khiển xe đi về, khi đi được khoảng 200m N dừng xe lấy 01 viên Hồng phiến sử dụng bằng cách hít qua đường hô hấp, sử dụng xong N tiếp tục điều khiển xe về, khi về đến khu vực bản Pá Công, xã Huổi Một thì bị Tổ công tác Công an huyện Sông Mã và Ban công an xã Huổi Một kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ được 201 viên Hồng phiến, 01 điện thoại và 01 mô tô. Lò Văn N cũng khai nhận do bản thân là người nghiện ma túy nên đã mua ma túy về để sử dụng dần, ngoài ra không có mục đích nào khác.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKSSM ngày 14 tháng 3 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Lò Văn N về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý; Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999 xử phạt từ 04 năm 06 tháng - 05 năm tù; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015 tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại và vật chứng liên quan; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động; trả lại cho người có quyền lợi liên quan chiếc xe máy.

Tại phiên tòa khi được nói lời sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, việc Tòa án đưa bị cáo ra xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là không oan, sai; tuy nhiên bị cáo đề nghị Tòa án xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa các thành viên của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thủ tục tố tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà bị cáo Lò Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện - Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện tội phạm. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào hồi 13h05 ngày 08/12/2017; phù hợp với vật chứng bị thu giữ gồm 201 viên Hồng phiến; phù hợp với Kết luận giám định số 79/KLMT ngày 14/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo cũng khẳng định bản thân nghiện ma túy nên bị cáo

mua ma túy về chỉ với mục đích để sử dụng, ngoài ra không có mục đích nào khác.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 08/12/2017 Lò Văn N đã mua 202 viên Hồng phiến của một người đàn ông dân tộc Mông ở vực bản Hợp Tiến, xã Huổi Một, huyện Sông Mã mục đích mang về để sử dụng (sau khi mua đã sử dụng 01 viên), khi trên đường về nhà bị tổ công tác Công an huyện Sông Mã phát hiện bắt quả tang. Số ma túy đã thu gồm 201 viên Hồng phiến, loại chất Methamphetamine có tổng khối lượng là 18,52gam.

Hành vi tàng trữ 18,52gam Methamphetamine với mục đích để bản thân sử dụng của Lò Văn N đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 .

[3] Về việc áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015: Thời điểm bị cáo thực hiện tội phạm Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật, đến thời điểm hiện nay các Bộ luật này đã có hiệu lực pháp luật, so sánh quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 và khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 thì quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 có lợi hơn về hình phạt, nhưng so sánh quy định về khối lượng chất ma túy mà bị cáo tàng trữ thì quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định không có lợi, do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo. Đối với các vấn đề khác do không liên quan đến việc quyết định hình phạt nên áp dụng các quy định tại BLHS và BLTTHS năm 2015 để giải quyết.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được việc tàng trữ chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma tuý của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, gây bức xúc trong xã hội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với việc làm của bản thân; ngoài ra bị cáo có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng - là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 cho bị cáo. Cần căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khối lượng chất ma túy bị cáo tàng trữ để có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội nhằm trừng phạt, cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, răn đe, phòng ngừa và thực hiện

nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tệ nạn ma tuý tại địa phương. Tuy nhiên tài liệu trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện, hiện nay gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, vợ bị cáo đã bỏ đi hiện nay không biết ở đâu, bị cáo là người lao động duy nhất trong gia đình có một mẹ già 93 tuổi và hai con nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Cơ quan điều tra đã làm rõ gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với 17,88 gam Methamphetamine, 01 mảnh nilon màu xanh cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biểm kiểm soát 26C1-134.71 và chìa khóa xe, tài liệu trong hồ sơ thể hiện chiếc xe do bị cáo mua nhưng tiền mua xe do mẹ bị cáo là bà Lò Thị E cho vay, bà E đã có đơn đề nghị xem xét trả lại cho bà, nên cần xem xét trả lại cho bà E; đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung do không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án: Đối với người đàn ông dân tộc Mông bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo do bị cáo không biết tên, địa chỉ cụ thể của người này nên không có căn cứ để điều tra, mở rộng vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố:

Bị cáo Lò Văn N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 04 năm 06 tháng (bốn năm sáu tháng) tù - Thời hạn thụ hình tính từ ngày tạm giữ, giam là ngày 08/12/2017.

2- Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 17,88 gam Methamphetamine.

+ 01 (một) mảnh nilon màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động màu đen, bạc nhãn hiệu SAMSUNG,số IMEL 1: 35670707381006/01, số IMEL2: 356708073871004/01.

- Trả lại cho người có quyền lợi liên quan Lò Thị E 01 (một) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ - đen, biểm kiểm soát 26C1-134.71, số khung 3200EY078965, số máy JA32E1166859 và 01 (một) chìa khóa xe.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/4/2018 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã).

3- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 16/5/2018./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo ;
- Người có quyền lợi lq;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Toàn